

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17/7/2024

V/v: "Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con chung của nam nữ chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Quang Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: bà Trịnh Thị Huệ và Bùi Thị Kim Loan;

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà Phạm Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 17/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 40/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc: "Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con chung của nam nữ chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Nguyễn Thị P**, sinh năm: 1975;

Nơi thường trú: tổ A, khu C, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. **Chỗ ở: tổ A, khu B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh** - có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: anh **Phạm Quang L**, sinh năm: 1969;

Nơi thường trú: tổ A, khu C, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh - vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1-Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2024, bản tự khai đề ngày 17/4/2024 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Phạm Quang L không tổ chức lễ cưới truyền thống, không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà tự nguyện về sống chung với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh L tại tổ A, khu C, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Sau 01 năm sống chung cùng với bố mẹ đẻ anh L thì anh chị xây nhà ra ở riêng bên cạnh nhà bố mẹ đẻ anh L. Lý do chị và anh L không đi đăng ký kết hôn là do mãi làm ăn kinh tế, cũng có vài lần ra phường để làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng vì thiếu giấy tờ tùy thân nên lại không đăng ký kết hôn được. Cuộc sống chung giữa chị và anh L không hạnh phúc, anh L thường xuyên chửi bới xúc phạm, không tôn trọng chị. Ngoài ra anh L còn ghen tuông vô cớ, nhiều lần đánh đập chị dẫn đến mâu thuẫn hai bên căng thẳng kéo dài. Nhiều lần chị và anh L ly thân nhưng vì con còn nhỏ, gia đình hòa giải chị và anh L lại hàn gắn, đoàn tụ. Tuy nhiên một năm trở lại đây mâu thuẫn giữa chị và anh L ngày càng căng thẳng, anh L chửi bới đánh đập chị nên chị quyết định chuyển về nhà bố mẹ đẻ để ở. Chị và anh L đã ly thân từ tháng 10/2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh L còn có thái độ đe dọa, quấy rối và xỉ nhục chị. Do vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Phạm Quang L.

Về con chung: chị và anh Phạm Quang L trong thời gian chung sống với nhau có 03 con chung: Phạm Thị P1 (sinh ngày 20/6/1994); Phạm Thị T (sinh ngày 26/5/2000) và Phạm Quang H (sinh ngày 28/9/2007). Nếu Tòa án tuyên bố chị và anh Phạm Quang L không phải là vợ chồng thì xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phạm Quang H và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với hai con chung Phạm Thị P1 và Phạm Thị T đều đã thành niên, không bị nhược điểm gì về thể chất và tinh thần nên chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: chị và anh Phạm Quang L tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: không có.

2- Đối với bị đơn anh Phạm Quang L: Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả đã triệu tập họp lệ nhiều lần đến trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P đối với anh Phạm Quang L nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do.

3-Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh thể hiện: sau khi tra cứu hồ sơ đăng ký kết hôn hiện lưu trữ tại UBND phường C từ năm 1992, các hồ sơ hiện còn lưu trữ tại phường C không có thông tin đăng ký kết hôn của chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1975 và anh Phạm Quang L, sinh năm 1969.

Xác minh tình trạng mâu thuẫn của chị P – anh L tại nơi cư trú thể hiện: anh Phạm Quang L và chị Nguyễn Thị P có cư trú, sinh sống tại tổ A, khu C, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh từ năm 1992 cho đến nay. Quá trình chung sống tại địa phương, chị P và anh L có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến xô xát đánh nhau. Chị P đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở, còn anh L ở cùng hai con gái tại nhà riêng, hai người sống ly thân từ tháng 10/2023 cho đến nay.

Ngoài ra, tại biên bản lấy lời khai con chung là cháu **Phạm Quang H**, cháu **H** cũng có xác nhận cháu và mẹ hiện nay đang ở nhà ông bà ngoại do bố mẹ cháu mâu thuẫn, cãi chửi nhau nên mẹ quyết định chuyển về nhà ông bà ngoại từ tháng 10/2023. Nay bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

4- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân **thành phố C**:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không tuân thủ các quy định tại Điều 70,72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung vụ án: căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **Nguyễn Thị P** và anh **Phạm Quang L**

Về con chung: Giao cho chị **P** có quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung **Phạm Quang H** cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), anh **L** không phải cấp dưỡng cho con chung **Phạm Quang H**. Đối với hai con chung **Phạm Thị P1** và **Phạm Thị T** đều đã thành niên, không bị nhược điểm gì về thể chất và tinh thần nên không đề cập .

Về tài sản chung: chị **Nguyễn Thị P** và anh **Phạm Quang L** tự thỏa thuận, không ai yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị **Nguyễn Thị P** yêu cầu Toà án không công nhận quan hệ giữa chị và anh **Phạm Quang L** hiện cư trú tại địa bàn **thành phố C** là vợ chồng, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Anh **Phạm Quang L** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Lời trình bày của chị **Nguyễn Thị P** tại phiên toà và trong quá trình giải quyết vụ án đều có nội dung: chị **Nguyễn Thị P** và anh **Phạm Quang L** tự nguyện chung sống với nhau và không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại nơi hai người sinh sống và đăng ký thường trú từ năm 1992 cho đến nay. Quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn, có xảy ra xô xát, đánh cãi chửi nhau và hai người đã sống ly thân từ tháng 10/2023 cho đến nay không thể hàn gắn được nữa.

Lời trình bày của chị **P** phù hợp với xác nhận tình trạng hôn nhân của tổ khu dân khu phố nơi anh chị sinh sống. Ngoài ra theo xác nhận của **ủy ban nhân dân phường C** thể hiện “sau khi tra cứu hồ sơ đăng ký kết hôn hiện lưu trữ tại **UBND phường C** từ năm 1992, các hồ sơ hiện còn lưu trữ tại **phường C** không có thông tin đăng ký kết hôn của chị **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1975 và anh **Phạm Quang L**, sinh

năm 1969”. Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chứng minh từ khi về chung sống với nhau chị **P** và anh **L** đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đồng thời quan hệ hôn nhân của chị **P** và anh **L** cũng không phải là hôn nhân thực tế vì hai anh chị về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 cho đến nay. Căn cứ theo điểm b, mục 3 nghị quyết 35/2000/QH-10, ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **P**, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **Nguyễn Thị P** và anh **Phạm Quang L**.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào yêu cầu xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Phạm Quang H** và không yêu cầu anh **L** phải cấp dưỡng cho con của chị **Nguyễn Thị P** và nguyện vọng của cháu **Phạm Quang H** như nêu trên. Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung **Phạm Quang H**, sinh ngày 28/9/2007 cho chị **Nguyễn Thị P** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh **L** không phải cấp dưỡng cho con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Đối với hai con chung **Phạm Thị P1** (sinh ngày 20/6/1994); **Phạm Thị T** (sinh ngày 26/5/2000) đều đã thành niên không bị nhược điểm gì về thể chất tinh thần, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng cho con nên Tòa án không đề cập

[2.3] Về tài sản chung: chị **Nguyễn Thị P** và anh **Phạm Quang L** tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Về công nợ chung: không có.

[3] Về án phí: chị **Nguyễn Thị P** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: các Điều 28, 35, 39, điểm b khoản 1 Điều 227, Điều 271 Điều 273 và Điều 147 - Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH-10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị P**. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **Nguyễn Thị P** và anh **Phạm Quang L**.

2. Về con chung: Giao cho chị **Nguyễn Thị P** có quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung **Phạm Quang H**- sinh ngày 28/9/2007 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), anh **L** không phải cấp dưỡng cho con chung. Người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: chị **Nguyễn Thị P** phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng là tiền tạm ứng án phí ônchị **P** đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002218 ngày 22/3/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh,

4. Về quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Cẩm Phả;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Cẩm Phả;
- UBND phường Cẩm Sơn, TP Cẩm Phả.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Vinh

